

Bản án số: 1244/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2022

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2022/TLST-HNGĐ Ngày 08 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Hoàng N, sinh năm X; địa chỉ: Số E đường T, Phường W, quận G, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm Y; địa chỉ: Số E đường T, Phường W, quận G, Thành phố H.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Hoàng N trình bày:

Anh và chị Lê Thị Ngọc T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số S do Ủy ban nhân dân Phường W, quận G cấp ngày L/M/N. Trong quá trình chung sống, có hai người con chung là Lê Hoàng Q, sinh ngày C/V/B và Lê Hoàng Trâm A, sinh ngày D/F/G. Thời gian đầu, vợ chồng anh chị sống vui vẻ,

hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, hai bên không còn hạnh phúc. Anh và chị T đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn không giải quyết được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lê Hoàng Q và giao trẻ Lê Hoàng Trâm A cho chị T nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn là chị Lê Thị Ngọc T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Theo yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoàng N quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh N và chị T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số S , ngày L/M/N của Ủy ban nhân dân Phường W, quận G, Thành phố H.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng chung sống, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc.

Anh N cho rằng cuộc sống chung giữa anh và chị T không có hạnh phúc, cả hai không có sự hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh N, nhưng lời khai của anh N phù hợp với kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về tình trạng hôn nhân của anh N và chị T. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa anh N và chị T là có thật, đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có hai con chung là Lê Hoàng Q, sinh ngày C/V/B và Lê Hoàng Trâm A, sinh ngày D/F/G.

Đối với trẻ Lê Hoàng Q, anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị T không có ý kiến phản hồi về yêu cầu nuôi con của anh N và trẻ Q cũng có nguyện vọng được sống chung với ba.

Đối với trẻ Lê Hoàng Trâm A, anh N đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thì hiện nay bé Lê Hoàng Trâm A đang sống chung với mẹ.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao trẻ Lê Hoàng Q cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Lê Hoàng Trâm A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét, sau này phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo:*

Anh N, chị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hoàng N được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số S ngày L/M/N của Ủy ban nhân dân Phường W, quận G, Thành phố H hết hiệu lực.

- Về con chung: Có hai con chung là Lê Hoàng Q, sinh ngày C/V/B và Lê Hoàng Trâm A, sinh ngày D/F/G.

Giao trẻ Lê Hoàng Q cho anh Lê Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Lê Hoàng Trâm A cho chị Lê Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh Lê Hoàng N, chị Lê Thị Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Lê Hoàng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Lê Hoàng N đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0047815 ngày 08/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Anh Lê Hoàng N đã đóng đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nhung